

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2023/DS-ST
Ngày: 09 - 01 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ngộ.

Ông Phạm Kiên Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2022/TLST-DS, ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Trần Thị B, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thanh T có làm đầu thảo dây hụi, bà Trần Thị B có tham gia chơi hụi của bà T cụ thể như sau: Vào ngày 10/10/2019 âm lịch bà T có làm đầu thảo dây hụi 1.000.000 đồng/1 phần, hình thức 01 tháng khui 01 lần, dây hụi có 31 phần, dây hụi này bà B tham gia 01 phần. Sau khi hụi khui lần đầu bà B hốt hụi số tiền là 18.400.000 đồng (đã trừ tiền đầu thảo), bà T đã giao đủ số tiền cho bà B vào ngày 15/10/2019. Sau khi hốt hụi bà B đã đóng hụi chết cho bà T từ kỳ thứ 02 đến kỳ khui lần thứ 14, từ kỳ khui lần thứ 15 đến khi mãn hụi thì bà B ngưng đóng hụi chết. Bà T đứng ra đóng hụi chết từng kỳ, từ kỳ thứ 15 đến khi mãn hụi là 17 kỳ,

với số tiền là 1.000.000 đồng/01 lần x 17 kỳ = 17.000.000 đồng. Khi giao kết hợp đồng góp hụi giữa bà T và bà B chỉ hợp đồng bằng lời nói với nhau không có lập thành hợp đồng văn bản, nhưng bà T có ghi sổ theo dõi hụi nhưng trong thời gian qua nhà bà T bị thiên tai sập nhà nên sổ hụi bị hư hỏng.

Như vậy bà B còn nợ bà T trong hợp đồng góp hụi số tiền là 17.000.000 đồng. Bà T đã nhiều lần yêu cầu bà B trả tiền nhưng bà B chỉ hẹn chứ không có trả tiền cho bà T. Vào ngày 05/4/2022 bà T có gửi đơn đến Tổ hòa giải ấp N để yêu cầu hòa giải buộc bà B hoàn trả số tiền trong hợp đồng góp hụi là 17.000.000 đồng. Khi tổ hòa giải tiến hành hòa giải thì bà B thừa nhận còn nợ bà T số tiền 17.000.000 đồng, nhưng giữa bà T và bà B không thỏa thuận được thời gian trả tiền nên hòa giải không thành.

Nay bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị B có trách nhiệm trả cho bà T số tiền trong hợp đồng góp hụi với số tiền 17.000.000 đồng, bà T không yêu cầu tính lãi.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Trần Thị B trình bày: Bà B thông nhất xác định bà B có tham gia chơi hụi đúng như bà T trình bày, bà B còn nợ hụi bà T tiền hụi chết với số tiền nợ hụi 17.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh gia đình bà B gặp khó khăn bà B yêu cầu bà T cho bà B trả dần, cho đến khi dứt nợ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 13/5/2022, bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng góp hụi đối với bị đơn bà Trần Thị B cư trú tại ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bà Nguyễn Thị Thanh T và bà Trần Thị B trình bày: Bà T có làm chủ 01 dây hụi, bà B là thành viên tham gia 01 phần hụi trong dây hụi này, bà B đã lĩnh tiền hụi, sau đó bà B không góp hụi chết cho bà T, nên bà T đã góp phần hụi chết thay cho bà B đến mãn hụi với số tiền là 17.000.000 đồng, nhưng đến nay bà B chưa hoàn trả cho bà T. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định hiện nay bà B còn nợ bà T số tiền hụi của dây hụi với số tiền 17.000.000 đồng.

[2.2] Xét về hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng: Mặc dù hợp đồng góp hụi giữa bà T và bà B không lập thành văn bản, nhưng bà T và bà B cùng thừa nhận có hợp đồng góp hụi với nhau, cụ thể bà T là chủ hụi, bà B là thành viên, do đó xác định đây là hợp đồng góp hụi theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường của Chính phủ. Bà T và bà B là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng đều hoàn toàn dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, đối tượng giao dịch được pháp luật cho phép, hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng phù hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận đây là hợp đồng góp hụi hợp pháp và giải quyết hậu quả phát sinh từ hợp đồng này theo quy định tại Điều 351 và Điều 385 của Bộ luật Dân sự; Điều 16 và Điều 24 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường của Chính phủ.

[2.3] Xét về lỗi: Bà B là người có lỗi vì đã vi phạm nghĩa vụ không trả phần tiền hụi chết mà bà T đã góp thay cho bà B. Do đó, bà T yêu cầu bà B phải hoàn trả cho bà T số tiền hụi gốc 17.000.000 đồng, không tính lãi là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 351 của Bộ luật Dân sự; Điều 16, Điều 17 và Điều 24 của Nghị định số: 19/2006/NĐCP, ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường của Chính phủ, là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với ý kiến của bà Trần Thị B xin trả dần, đến khi dứt nợ nhưng bà Nguyễn Thị Thanh T không đồng ý, xét thấy không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo bản án: Hội đồng xét xử áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 351, khoản 2 Điều 357; Điều 385; Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Điều 16; Điều 17 và Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, biêu, phườg; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T. Buộc bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền là 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng).

2. Về chậm thực hiện nghĩa vụ: Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị B phải chịu 425.000 đồng (bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 425.000 đồng (bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004989 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh T và bà Trần Thị B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Chí Hường